

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HS-ST.

Ngày: 10/01/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Bruk và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. A B (tên gọi khác: V); sinh năm 1997 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B1, sinh năm 1969 và bà Y H, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: không; tiền án: 01.

Tại Bản án hình sự số 52/2017/HS-ST, ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 25/10/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/08/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. A Y (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt

Nam; con bà Y Ch, sinh năm 1955; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/08/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. A B2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/12/2000 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Kontumkonâm, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B1, sinh năm 1969 và bà Y H, sinh năm 1968; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/08/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 380 Đ, thành phố K, tỉnh KonTum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 25/6 H, thành phố K, tỉnh KonTum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh A Tr, sinh ngày 11/10/2005; Người đại diện hợp pháp của anh A Tr là bà Y U (Là mẹ của anh A Tr); Cùng địa chỉ: Thôn K, phường Tht, thành phố K, tỉnh KonTum. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh A Tr, sinh ngày 11/10/2005.

Người đại diện hợp pháp của anh A Tr là bà Y U (Là mẹ của anh A Tr); Cùng địa chỉ: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh KonTum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian từ ngày 03 đến 04 tháng 7 năm 2019 bị cáo A B cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại số nhà 380 Đ, phường Th, thành phố Kon Tum, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 03/07/2019, A B cùng với A Tr (Sinh ngày 11/10/2005) ngồi chơi tại nhà của A B, thì A B rủ A Tr đi trộm cắp tài sản. Nghe vậy, A Tr đồng ý, rồi A B và A Tr đi bộ tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Trần Văn Th; Địa chỉ: Số 380 Đ, phường Th, thành phố KonTum thấy không có người trông coi nên A B và A Tr trèo qua tường rào vào trong trộm cắp được 03 chậu lan Dã Hạc (Phi Diệp) mang về cất giấu tại chuồng heo

nhà A B. Đến khoảng 9 giờ ngày 03/7/2019 A B mang 02 (hai) chậu hoa lan Dã Hạc (Phi Diệp) đi đến đường Hai Bà Trưng, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum thì gặp Nguyễn Văn Ng qua trao đổi thì A B thống nhất bán cho Ngh hai chậu lan được 300.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì A B mang 01 (Một) chậu lan Dã Hạc (Phi Diệp) đến bán cho Nguyễn Từ Duy L được 500.000 đồng. Nguyễn Từ Duy L biết chậu lan do A B trộm cắp mà có nhưng do ham rẻ nên vẫn mua. Sau khi lấy tiền xong A B chia cho A Tr 300.000 đồng, số tiền còn lại A B tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/07/2019, A B, A Tr, A Y và A B2 đang ngồi nhậu ở nhà của A B thì A B rủ mọi người đi lấy trộm hoa lan. Nghe vậy, tất cả đồng ý rồi cùng nhau đi bộ đến nhà ông Trần Văn Th. Khi thấy không có người trông coi thì A B và A Tr trèo qua tường rào vào trong còn A Y và A B2 đứng ngoài canh giới. A B và A Tr lấy trộm được 03 chậu lan Dã Hạc (Phi Diệp) và 01 (Một) chậu hoa lan Long Tu đưa qua hàng rào để A Y và A B2 đỡ xuống, xong mỗi người cầm 01 chậu lan mới trộm cắp được mang về phía sau chuồng heo nhà của A B và A B2 cất giấu thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/ĐG-TS ngày 12/07/2019 của Hội đồng ĐGTS trong Tổ tụng hình sự UBND thành phố Kon Tum kết luận: Giá trị 06 (Sáu) chậu lan Dã Hạc (phi điệp) có giá trị tại thời điểm bị mất là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*); 01 (Một) chậu lan Long Tu có giá trị tại thời điểm bị mất là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*)

+ Về vật chứng vụ án: 06 (Sáu) chậu lan Dã Hạc (Phi Diệp) và 01 (Một) chậu lan Long Tu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Văn Th.

Đối với A Tr; sinh ngày 11/10/2005 tính đến thời điểm phạm tội A Tr chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Đối với Nguyễn Từ Duy L là người đã tiêu thụ tài sản do A B trộm cắp mà có nhưng đã bỏ trốn. Ngày 04/11/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum đã khởi tố vụ án hình sự số 171 và khởi tố bị can số 217, ra Quyết định truy nã số 17, ngày 14/11/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định số tách vụ án hình sự số 02/QĐ-CSĐT-ĐTHS ngày 14/11/2019 để xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Nguyễn Văn Ngh là người mua 02 chậu hoa lan Dã Hạc (Phi Diệp) vào sáng 9 giờ ngày 03/7/2019 do A B bán nhưng khi bán A B không nói về nguồn gốc tài sản nên không xử lý Ngh về hành vi “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có cơ sở.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ông Trần Văn Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT- VKSTPKT ngày 11/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố bị cáo A B, A Y và A B2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A B, A Y và A B2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều Điều 173 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A B 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A Y và A B2 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp, nên không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi truy tố của các bị cáo:

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 03/7/2019 bị cáo A B rủ A Tr trộm cắp tài sản. Lợi dụng đêm tối, không có người trông coi, nên A B và A Tr đã trộm cắp tại nhà của ông Trần Văn Th 03 (Ba) cháu lan Dã Hạc (Phi Điệp) để mang đi tiêu thụ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/7/2019 bị cáo A B tiếp tục rủ A Tr, A Y và A B2 trộm cắp tài sản. Bị cáo A B, A Tr, A B2 và A Y lén lút trộm cắp 03 (Ba) cháu lan Dã Hạc (Phi Điệp) và 01 (Một) cháu lan Long Tu tại nhà của ông Trần Văn Th để mang về tiêu thụ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/ĐG-TS ngày 12/07/2019 của Hội đồng ĐGTS trong Tố tụng hình sự UBND thành phố KonTum kết luận: Giá trị 06 (Sáu) cháu lan Dã Hạc (phi điệp) có giá trị tại thời điểm bị mất là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*); 01 (Một) cháu lan Long Tu có giá trị tại thời điểm bị mất là 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 21.500.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*)

Hành vi của các bị cáo A B, A Y và A B2 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây dư luận xấu trong xã hội; ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố; Thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật. Do đó cần xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc trước, nhưng cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mình đã gây ra.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đối với bị cáo A B là người khởi xướng, rủ rê, xúi giục và là người thực hành tội phạm khá tích cực. Bị cáo đã trực tiếp trộm cắp tài sản của ông Trần Văn Th. Bị cáo A Y và A B2 là người giúp sức cho bị cáo A B thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành phạm tội và vai trò đồng phạm mà các bị cáo đã gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A B có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên

bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm”; bị cáo A B thực hiện 02 lần phạm vi phạm tội và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo A Y, A B2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo A Y, A B2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về nhân thân của các bị cáo: Đối với bị cáo A B có nhân thân xấu.

Bị cáo A Y, A B2 chưa có tiền án, tiền sự và lần đầu thực hiện hành vi phạm tội.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình và cũng cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Đối với tội “ *Trộm cắp tài sản* ” còn có thể xử phạt bổ sung bằng tiền, nhưng căn cứ vào lời khai tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Đối với A Tr, sinh ngày 11/10/2005 tính đến thời điểm phạm tội A Tr chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Kon Tum đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với Nguyễn Từ Duy L là người đã tiêu thụ tài sản do A B trộm cắp mà có nhưng đã bỏ trốn. Ngày 04/11/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum đã khởi tố vụ án hình sự số 171 và khởi tố bị can số 217, ra Quyết định truy nã số 17, ngày 14/11/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định số 02 tách ra để xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Nguyễn Văn Ngh là người mua 02 chậu hoa lan Dã Hạc (Phi Điệp) vào sáng 9 giờ ngày 03/7/2019 do A B bán nhưng khi bán A B không nói về nguồn gốc

tài sản nên không xử lý Ngh về hành vi “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có cơ sở, Hội đồng xét xử không đề cập.

[6]. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ông Trần Văn Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì; Anh Nguyễn Văn Ngh không có yêu cầu gì về mặt dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng vụ án: 06 (Sáu) chậu lan Dã Hạc (Phi Điệp) và 01 (Một) chậu lan Long Tu đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập.

Đối với số tiền 800.000 đồng bị cáo A B bán được từ 03 chậu hoa phong lan do trộm cắp, A B đưa cho A Tr 300.000 đồng, số tiền còn lại 500.000 đồng bị cáo A B tiêu sài hết. Đây là số tiền của bị cáo A B và A Tr thu lợi bất chính từ việc trộm cắp chậu lan, nên buộc bị cáo A B phải nộp 500.000 đồng để sung quỹ Nhà Nước; buộc A Tr phải nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Do A Tr là người chưa thành niên, không có tài sản riêng nên buộc bà Y U là mẹ của A Tr nộp thay cho A Tr.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo A B, A Y và A B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo A B (Tên gọi khác: V), A Y và A B2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A B (Tên gọi khác: V) 18 (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 23/08/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A Y (Tên gọi khác: Không) 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 23/08/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A B2 (Tên gọi khác: Không) 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 23/08/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo A B phải sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn đồng) đồng tiền thu lợi bất chính, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Buộc A Tr phải sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng tiền thu lợi bất chính, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. A Tr là người chưa thành niên, không có tài sản riêng nên buộc bà Y U là mẹ của A Tr nộp thay cho A Tr.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo A B, A Y và A B2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các Bị cáo; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Công an TP;
- Thi hành án dân sự TP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

